

Bản án số: 289/2020/HS-PT

Ngày: 28 - 9 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Tuấn

Ông Mai Xuân Thành

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:* Ông Đinh Ngọc Kính - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 321/2020/TLPT-HS ngày 10 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Quốc H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quốc H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2020/HS-ST ngày 04-8-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

*- Bị cáo có kháng cáo:*

Nguyễn Quốc H, sinh năm 1996 tại Gia Lai; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn 3, xã I, huyện Ia Giai, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 8/12; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình K và con bà Trần Thị Ng; có vợ tên Lữ Thị Kim Ch và có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/11/2019, có mặt tại phiên tòa.

*- Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Ngô Thanh Q, Luật sư, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai, có mặt.

*- Bị hại:* Anh Ngô Xuân B; địa chỉ: 31B đường N, xã B1, thành phố P, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Trần Minh H1; địa chỉ: 1095 Đường T1, thôn H2, xã C, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

Bà Trần Thị N1; địa chỉ: Thôn 2, xã I, huyện I1, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Do bản thân không có nghề nghiệp, lại là người nghiện ma túy và nợ tiền nhiều người. Nên đầu tháng 10/2019, Nguyễn Quốc H nảy sinh ý định sử dụng thủ đoạn gian dối để thuê xe ô tô tự lái rồi chiếm đoạt đem đi cầm cố lấy tiền mua ma túy sử dụng, trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Từ suy nghĩ trên, sáng ngày 10/10/2019 Nguyễn Quốc H tìm trên Facebook dịch vụ cho thuê xe tự lái và thấy có tài khoản “*Dịch vụ thuê xe Xuân B*” do anh Ngô Xuân B là chủ cơ sở cho thuê xe ô tô, nên H đã nhắn tin với anh B qua ứng dụng Messenger để thuê xe ô tô. Anh B yêu cầu H phải cung cấp bản gốc giấy Chứng minh nhân dân của H, bản gốc Sổ hộ khẩu bất kỳ. Do không tìm thấy Sổ hộ khẩu của gia đình, nên H đến nhà Nguyễn Duy P1 (sinh năm 1995; trú tại: Thôn 2, xã I, huyện I1, tỉnh Gia Lai) mượn Sổ hộ khẩu của nhà P1 có tên chủ hộ là Nguyễn Duy Ph. Sau đó, H gọi điện cho anh B và đề nghị đến nhà anh B để nhận xe nhưng anh B yêu cầu giao xe tại nhà H để kiểm tra, nên H nói anh B đến địa chỉ 16/56/293 Đường T1, thành phố P, tỉnh Gia Lai và nói đây là nhà chú ruột của H để anh B tin tưởng về nơi cư trú, để cho thuê xe (nhưng thực tế là nhà của bạn H tên Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1988; trú tại: 16/56/293 Đường T1, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai). Sau đó, H đi taxi đến nhà của Nh đợi anh B giao xe. Anh B điều khiển xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, số loại BT50, biển kiểm soát 81C-171.44 đến nhà Nh để gặp H. Mặc dù không có nghề nghiệp nhưng để anh B tin tưởng đồng ý cho thuê xe, H nói dối mục đích thuê xe là để đi làm mỏ đá tại xã Ia Blang, huyện I1, tỉnh Gia Lai. Sau đó, hai bên thỏa thuận thuê xe từ ngày 10/10/2019 đến 13/10/2019, mỗi ngày 800.000 đồng. H đưa cho B bản gốc 01 Chứng minh nhân dân, 01 bằng lái xe đều mang tên Nguyễn Quốc H, 01 Sổ hộ khẩu mượn của Nguyễn Duy P1 và đưa trước cho anh B 800.000 đồng. Số tiền còn lại 2.400.000 H hẹn đến ngày trả xe sẽ trả hết. Vì tin tưởng Nguyễn Quốc H, anh B giao xe cùng bản sao giấy Chứng nhận đăng ký xe, giấy Chứng nhận đăng kiểm và Bảo hiểm xe cho H.

Khoảng 02 ngày sau khi được anh B cho thuê xe ô tô BKS 81C-171.44 (H không nhớ chính xác ngày). Do thiếu tiền tiêu xài và chưa cầm cố được xe, nên H lấy xe mô tô nhãn hiệu SYM, số loại SHARK, biển kiểm soát 81B1-018.17 của cha ruột là ông Nguyễn Đình Kh (sinh năm 1955; trú tại: Thôn 3, xã I, huyện I1, tỉnh Gia Lai) giao cho H sử dụng, H mang đến nhiều tiệm cầm đồ trên địa bàn thành phố P để cầm cố lấy tiền tiêu xài nhưng các tiệm chỉ nhận cầm cố với số tiền thấp. Khi H đến tiệm cầm đồ “*Hùng Thịnh*”; địa chỉ: 1095 đường Đường T1, thôn H2, xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai do anh Trần Minh H1 (sinh năm: 1989; trú tại: thôn H2, xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai) làm chủ cơ sở, thì được anh H1 đồng ý cho

nhận cầm cố xe mô tô trên với số tiền 6.000.000 đồng, lãi suất 2.000đồng/1triệu đồng/ngày (tức lãi suất 6%/tháng); mặc dù xe mô tô không phải của H và H không có giấy tờ ủy quyền hợp pháp.

Ngày 13/10/2019, anh B yêu cầu H trả xe ô tô Mazda BKS 81C-171.44 theo đúng hợp đồng. Nhưng vì chưa cầm cố được nên H đề nghị anh B cho H tiếp tục thuê xe đến ngày 24/10/2019 rồi sẽ trả xe và tiền thì anh B đồng ý.

Ngày 14/10/2019, H điều khiển xe ô tô Mazda BKS 81C-171.44 đến gặp anh H1 để chuộc lại xe mô tô đã cầm cố trước đó và nói do đang làm gỗ trên huyện I1 gặp trục trặc, nên muốn cầm cố xe ô tô Mazda BKS 81C-171.44 của cậu ruột giao cho H sử dụng. Anh H1 tin tưởng đồng ý nhận cầm cố xe ô tô trên với số tiền 40.000.000đ, lãi suất 6%/tháng mà không yêu cầu H đưa giấy tờ chứng minh chiếc xe ô tô trên thuộc sở hữu hợp pháp của H. H chỉ đưa cho anh H1 bản sao giấy đăng ký xe ô tô. Vì số tiền H cầm cố ít hơn nhiều so với giá trị của xe ô tô nên anh H1 không làm hợp đồng. H lấy tiền trong số tiền cầm cố xe ô tô mới nhận được để chuộc lại xe mô tô (H không nhớ số tiền cụ thể) và hủy giấy tờ cầm cố xe mô tô.

Ngày 15/10/2019, H nhắn tin qua ứng dụng Messenger cho bạn là Bùi Đỗ Nguyên Th (chưa xác định tuổi, địa chỉ cụ thể) nói do đang bận công việc ở huyện I1 nên nhờ Th đến trả cho anh B số tiền thuê xe những ngày trước đó. Đồng thời, gia hạn hợp đồng thuê xe đến ngày 24/10/2019 và mượn lại anh B Chứng minh nhân dân gốc của H. Th đồng ý và nhắn tin số tài khoản cho H (H không nhớ số tài khoản và tên ngân hàng). Sau đó, H lấy 3.000.000 đồng trong số tiền cầm cố xe ô tô và chuyển cho Th. Th đến chỗ anh B trả tiền thuê xe trước đó của H là 3.000.000 đồng và gia hạn hợp đồng giúp H, kí tên Võ Tăng Hoàng. Anh B tin tưởng nên đưa Th Chứng minh nhân dân của H. Sau đó H dùng Chứng minh nhân dân này đem đến cho anh H1 và nhiều lần lấy thêm tiền cầm cố xe ô tô Mazda BKS 81C-171.44 với tổng số tiền 30.000.000đ. Ngày 21/10/2019, anh H1 viết lại hợp đồng cầm cố chiếc xe trên cho H với số tiền 70.000.000đ, lãi suất 6%/tháng. Số tiền này, H dùng 40.000.000đ để trả nợ số tiền H đã vay trước đó qua mạng Internet (H không nhớ rõ pháp nhân, địa chỉ cho vay) và vay bạn bè (H không nhớ đã trả những ai). Số tiền 2.000.000đ dùng để mua ma túy của một người đàn ông ở bến xe (không rõ nhân thân, lai lịch) để sử dụng, còn lại tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 23/10/2019, qua định vị anh B phát hiện xe ô tô Mazda BKS 81C 171.44 đang cầm cố tại nhà anh H1, nên đã đến gặp anh H1 thì biết H đã cầm cố xe ô tô trên. Sau khi anh B cung cấp các giấy tờ chứng minh nguồn gốc hợp pháp của xe ô tô thì anh H1 đã tự nguyện giao xe cho anh B mà không yêu cầu gì. Sau đó, anh B gọi điện cho H thì H hẹn gặp anh H1 và B vào ngày 24/10/2019 tại quán cà phê đường Lý Thái Tổ (không nhớ rõ tên và địa chỉ). Tại đây, H viết cam kết hẹn ngày 27/10/2019 sẽ chuộc xe và trả lại cho anh B. Đến hẹn, H trốn tránh. Anh B nhiều lần gọi điện cho H không được, đến nhà H tại huyện I1 tìm nhưng H không

có ở nhà. Nên ngày 12/11/2019, anh B đã đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố P trình báo sự việc.

Ngày 13/11/2019, Cơ quan CSĐT Công an thành phố P đã triệu tập Nguyễn Quốc H đến làm việc. Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Quốc H đã đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại kết luận định giá tài sản số 163/KL-HĐĐG ngày 14/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự TP P xác định: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda, loại xe BT50, biển số 81C-171.44, số khung 4DD4LWW947592, số máy P4AT2757417, màu xanh, số sàn, mua mới vào ngày 16/9/2019 với giá trị 680.000.000đ. Sử dụng đến ngày 10/10/2019 bị chiếm đoạt, có giá trị còn lại thực tế theo giá thị trường là 540.000.000đ (Năm trăm bốn mươi triệu đồng)

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2020/HS-ST ngày 04-8-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:*

Về tội danh, hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc H 11 (mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 13/11/2019

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 13/8/2020, bị cáo Nguyễn Quốc H kháng cáo.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Bị cáo Nguyễn Quốc H trình bày giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Về tội danh, bị cáo nhận tội và không kêu oan. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 540.000.000đ mới trên mức khởi điểm của khung hình phạt bị áp dụng xét xử, tài sản đã thu hồi trả cho bị hại. Bị cáo nhân thân tốt, thành khẩn khai báo. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đầy đủ tính chất, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Từ đó xử phạt bị cáo 11 (mười một) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là nghiêm khắc. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Sửa Bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo và bị cáo bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt mới trên mức khởi điểm của khung hình phạt bị áp dụng xét xử. Hơn nữa, tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho bị hại. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thành khẩn khai báo. Đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tổ tụng:

Vào ngày 13/8/2020, bị cáo Nguyễn Quốc H kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2020/HSST ngày 04-8-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai. Như vậy, kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quốc H là trong thời hạn luật định. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo:

[2.1] Về hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Quốc H thành khẩn khai báo và nhận tội. Lời khai nhận tội này của bị cáo phù hợp với lời khai nhận tội tại phiên tòa xét xử sơ thẩm; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai thu thập có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Ngày 10/10/2019, tại phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Nguyễn Quốc H đã dùng thủ đoạn gian dối để tạo niềm tin với bị hại bằng việc đưa ra Sổ hộ khẩu, giấy tờ cá nhân và cho rằng đang làm công trình mở đá nên cần phương tiện di chuyển để bị hại Ngô Xuân B tin tưởng là thật và đã cho bị cáo thuê xe ô tô biển kiểm soát 81C-171.44. Sau khi thuê được xe ô tô biển kiểm soát 81C-171.44, bị cáo đã mang cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khi anh Ngô Xuân B phát hiện bị cáo thuê xe không sử dụng đúng như cam kết và yêu cầu bị cáo trả lại xe thì bị cáo cố tình bỏ trốn. Bản giám định số 163/KL-HĐGD của Hội đồng giám định trong Tố tụng hình sự kết luận: Xe ô tô biển kiểm soát 81C-171.44 nhãn hiệu Mazda tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 540.000.000đ. Với hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Quốc H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[2.2] Về mức hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Quốc H là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của bị hại và gây hoang mang trong quần chúng nhân dân tại địa phương. Bị cáo Nguyễn Quốc H bị xét xử theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân, phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng do vậy phải xét xử và xử phạt nghiêm. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá về tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng cho bị cáo đúng theo quy định của pháp luật. Từ đó, xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc H 11 (mười một) năm tù là dưới mức khởi điểm của khung hình phạt bị áp dụng xét xử. Như vậy, mức hình phạt 11 (mười một) năm tù là thỏa đáng, không nặng. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo Nguyễn Quốc H không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quốc H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Quốc H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quốc H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc H 11 (mười một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/11/2019.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Quốc H phải chịu 200.000đ.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

(Đã ký)

**Trần Minh Tuấn**

**Mai Xuân Thành**

**Trần Quốc Cường**